

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày: 08/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Nông dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Văn Châu.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Quỹ Tín dụng nhân dân Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Danh Thành Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lâm L**, sinh năm 1994; nơi sinh: Xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; dân tộc: Khmer; con ông Lâm M (s) và bà Sơn Thị C (s); có vợ tên P (không rõ họ) và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2017 đến ngày 31/8/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

(Bị cáo có mặt).

Người bị hại:

- Bà **Ngô Thị Hồng N**, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

- Bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1973, (có mặt).

- Ông **Sơn S**, sinh năm 1969, (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Chị **Lâm Thị Ô C** (tên gọi khác: P), sinh năm 1991, (có mặt).

- Anh **Lý D** (tên gọi khác: D), sinh năm 1991, (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Thanh T** (tên gọi khác: M), sinh năm 1985, (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Người làm chứng:

- Ông **Lý K**, sinh năm 1955, (có mặt).

- Bà **Sơn Thị T**, sinh năm 1955, (vắng mặt).

- Bà **Lâm Thị S**, 1957, (vắng mặt).

- Bà **Lâm Thị N**, sinh năm 1974, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh ngày 01/01/1999, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

- Anh **Diệp Hoàng Tuấn A**, sinh năm 1994, (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Anh **Lý Minh C**, là chuyên viên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo **Lâm L** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

- Vào khoảng 08 giờ ngày 15/3/2017, **Lâm L** đến nhà chị ruột là **Lâm Thị Ô C**, nhà chị **C** đóng cửa không ai ở nhà nên **L** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo xé vách bên hông nhà lá để chui vào và lấy một tivi hiệu Samsung 28 inch màn hình phẳng, **L** mở cửa trước đi ra ngoài, được khoảng vài chục mét thì phát hiện có người đang đi lại nên **L** quăng tivi vào bụi tre gần đó, rồi bỏ đi. Chị **C** đã tìm thấy tivi, nhưng màn hình bị hư hỏng. Trước đó khoảng một tuần, **Lâm L** vào nhà chị **Ô C** lấy trộm một máy khoan hiệu Boss, công suất 800W và bán cho một người không rõ lai lịch, được 450.000 đồng, bán tại Phường 2, thành phố T.

Kết luận định giá số: 09/KL.ĐGTS ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện T thì tivi giá trị còn lại là 2.940.000 đồng, máy khoan giá trị còn lại là 810.000 đồng.

Bị cáo bỏ trốn, Cơ quan điều tra – Công an huyện T đã ra Quyết định truy nã, đến ngày 28/8/2017 thì bắt được Lâm L. Quá trình điều tra, Lâm L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ngoài ra Lâm L còn thực hiện hai vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố T, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào ngày 11/11/2016, trong lúc làm thuê tại công trình Bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng, Lâm L đã trộm chiếc xe mô tô biển số 83H3-7614 của bà Ngô Thị Hồng N đang đậu dưới tầng trệt của Khoa nhiêm. Bị cáo thấy không có người trông coi nên đến tiếp cận, dùng đầu nắp chụp của quạt ga bẻ thẳng làm công cụ phá khóa xe rồi nổ máy chạy đi. Lâm L sử dụng được vài ngày thì đem bán cho anh Lý D với giá 1.500.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số: 91/KL.ĐGTS ngày 26/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T, chiếc xe có giá trị còn lại là 4.250.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 22/3/2017, bà Lâm Thị H đậu chiếc xe mô tô biển số 83P1-827.05 trên bờ kênh, rồi đi đo đất thuộc Khóm 3, Phường 10. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo đi ngang qua thấy không ai trông coi, L tiếp cận dùng tay bứt dây khóa điện rồi nổ máy chạy đi ra Quốc lộ 1 hướng từ thành phố T về huyện H. Chiều cùng ngày, L bán xe cho anh Sơn Lưu H với giá 700.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số: 90/KL.ĐGTS ngày 25/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T, chiếc xe có giá trị còn lại là 3.250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Lâm L chiếm đoạt là 11.250.000 đồng. Trong quá trình điều tra, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Trong quá trình điều tra:

- L đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên;

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra – Công an huyện T đã tạm giữ 01 chiếc xe mô tô biển số 83H3 – 7614, nhãn hiệu Fashion màu sơn xanh, số khung H064TL013182, số máy 2FMH00038099 của bà N. Riêng xe mô tô biển số 83P1-827.05, nhãn hiệu Gentle, màu sơn đỏ, số khung 71E04656, số máy FMH1004656 của bà H, ông S và chiếc máy khoan hiệu Boss, công suất 800W của chị Ô C, anh Lý D thì Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Về bồi thường thiệt hại: Những người bị hại là chị Ô C, bà H, bà N đều đồng ý kết quả định giá tài sản. Chị Ô C, anh D không yêu cầu bồi thường thiệt hại; Đối với chiếc xe mô tô biển số 83P1- 827.05, nhãn hiệu Gentle, đứng tên chủ sở hữu xe là ông Nguyễn Thành T, ông T khai là ông đã bán xe nên không còn liên quan, còn ông Sơn D thì cho rằng ông đã bán lại chiếc xe này cho vợ chồng ông S, nên ông D không yêu cầu gì. Người bị hại bà H yêu cầu L bồi thường giá trị chiếc

xe bị mất, ông S thì yêu cầu xử lý theo pháp luật; bà N yêu cầu nhận lại chiếc xe mô tô biển số 83H3-7614.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT.VKS ngày 19/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lâm L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lâm L thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố.

- Những người bị hại đều đồng ý kết quả định giá tài sản. Chị Ô C, anh D không yêu cầu bồi thường thiệt hại; Bà H và ông S đều cho rằng chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng ông, bà nên yêu cầu bị cáo bồi thường theo kết quả định giá là 3.250.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý; Chiếc xe mô tô biển số 83H3 – 7614, nhãn hiệu Fashion, do anh Nguyễn Thanh T đứng tên chủ xe. Tại phiên tòa, anh T cho rằng anh chỉ đứng tên chủ sở hữu, còn chiếc xe là tài sản của mẹ anh – bà Ngô Thị Hồng N. Bà N yêu cầu nhận lại chiếc xe này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

+ Giữ nguyên bản cáo trạng số: 11/CT.VKS ngày 19/10/2017, truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và cho rằng bị cáo ba lần phạm tội, là tình tiết phạm tội nhiều lần, nhưng bị cáo có nhân thân tốt, dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp, thành khẩn khai báo, phạm tội ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Anh Lý D mua xe, nhưng không biết là xe trộm cắp nên không có cơ sở xử lý. Bị cáo bán xe cho anh D và đã nhận của anh D 1.500.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính.

+ Anh H mua xe, nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương và không rõ địa chỉ, nên tiếp tục điều tra, nếu có cơ sở thì xử lý sau.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho bà H và ông S số tiền 3.250.000 đồng; tịch thu số tiền 1.500.000 đồng mà bị cáo bán chiếc xe cho anh D và 450.000 đồng là tiền bị cáo đã nhận khi bán chiếc máy khoan hiệu Boss.

+ Xử lý vật chứng: Trả lại cho bà N chiếc xe mô tô biển số 83H3-7614, nhãn hiệu Fashion do anh Nguyễn Thanh T đứng tên sở hữu, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 162.500 đồng án phí dân sự.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Người làm chứng bà Sơn Thị T, bà Lâm Thị S, bà Lâm Thị N, chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai ở Cơ quan điều tra đầy đủ, rõ ràng và việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử, nên căn cứ Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Lâm L đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận này của bị cáo là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, với người bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bị cáo đã lén lút, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt mà người bị hại không biết, cụ thể:

- Vào khoảng 08 giờ ngày 15/3/2017, thấy nhà chị Ô C, anh D đóng cửa, nên bị cáo xé vách nhà lá và vào lấy một tivi hiệu Samsung 28 inch, màn hình phẳng đi ra ngoài, do thấy có người đang đi lại sợ bị phát hiện nên bị cáo quăng bỏ tivi vào bụi tre gần đó, rồi bỏ đi. Trước đó khoảng một tuần lễ, bị cáo đã lén lấy một máy khoan hiệu Boss, công suất 800W của chị Ô C, anh D và bán cho một người không rõ lai lịch, được 450.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận ngoài việc lấy tài sản trên, thì bị cáo còn thực hiện hành vi lén lút lấy các tài sản sau:

- Vào ngày 11/11/2016, bị cáo thấy chiếc xe mô tô biển số 83H3-7614 của bà Ngô Thị Hồng N đang đậu dưới tầng trệt của Khoa nhiễm Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng, không có người trông coi nên đến tiếp cận, dùng đầu nắp chụp của quạt ga bẻ thẳng làm công cụ phá khóa xe rồi nổ máy chạy đi. Bị cáo sử dụng được vài ngày thì đem bán cho anh Lý D với giá 1.500.000 đồng.

- Khoảng 11 giờ ngày 22/3/2017, bị cáo đi ngang qua thấy chiếc xe mô tô biển số 83P1-827.05 đậu ở bờ kênh, không người trông coi, bị cáo tiếp cận và dùng tay bút dây khóa điện rồi nổ máy chạy đi. Sau đó, bị cáo bán xe cho anh Lưu H với giá 700.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa bị cáo cho rằng mình nhận thức được tài sản của người khác là không được xâm phạm, nhưng do không có tiền tiêu xài, nên bị cáo đã bất chấp để thực hiện hành vi ba lần lén lút chiếm đoạt được tài sản của người khác, là lỗi cố ý trực tiếp, tài sản bị cáo chiếm đoạt mỗi lần có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng là phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm

1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nền cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, là người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp, có thiện chí muốn bồi thường thiệt hại cho người bị hại, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo đã phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh có hiệu quả với hành vi trộm cắp tài sản, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn. Do đó, mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là chưa cân xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về bồi thường thiệt hại:

+ Chị Ô C, anh D đã nhận lại chiếc ti vi; còn máy khoan thì không thu hồi được. Anh, chị cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bà H, ông S về bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo bồi thường cho bà H và ông S giá trị chiếc xe mô tô biển số 83P1- 827.05, nhãn hiệu Gentle là 3.250.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà N chiếc xe mô tô biển số 83H3 – 7614, nhãn hiệu Fashion, do anh Nguyễn Thanh T đứng tên chủ xe, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 1.950.000 đồng mà bị cáo thu được do bán chiếc xe mô tô biển số mô tô biển số 83P1- 827.05, nhãn hiệu Gentle và một máy khoan hiệu Boss, Kiểm sát viên cho rằng đây là số tiền do phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước, là không có cơ sở vì: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà H, ông S 3.250.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 83P1- 827.05 và chị Ô C, anh D không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị này.

- Anh Lý D mua chiếc xe mô tô biển số 83H3 – 7614, nhưng không biết là xe của bị cáo trộm cắp, nên không có cơ sở xử lý anh D.

- Đối với anh H mua xe do bị cáo trộm được mà có, nhưng hiện nay anh H không có mặt ở địa phương và không biết địa chỉ, nếu qua điều tra có cơ sở thì xử lý sau.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Về án phí hình sự: Bị cáo bị kết án nên phải chịu là 200.000 đồng.

+ Về án phí dân sự: Do bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà H và ông S số tiền 3.250.000 đồng nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị buộc bị cáo phải chịu 162.500 đồng án phí dân sự, là không phù hợp theo quy định của điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vì tại danh mục án phí, lệ phí Tòa án trong trường hợp này bị cáo phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lâm L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm L 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 8 năm 2017.

[2] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lâm L phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại bà Lâm Thị H và ông Sơn S số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), là giá trị chiếc xe mô tô biển số 83P1- 827.05, nhãn hiệu Gentle, màu sơn đỏ, số khung 71E04656, số máy FMH1004656.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Ngô Thị Hồng N chiếc xe mô tô biển số 83H3 – 7614, nhãn hiệu Fashion màu sơn xanh, số khung H064TL013182, số máy 2FMH00038099, đang tạm giữ của bà N.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lâm L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan T.H.A hình sự - Công an huyện Mỹ Tú;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Nhanh